TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 199/2022/DS - PT
Ngày: 12/9/2022
V/v: "Tranh chấp thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Việt Cường**

Ông **Trần Quốc Cường**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Dương Thị Tuyết Trinh**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Dung**, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022 về: "*Tranh chấp thừa kế tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2162/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 8 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T (chết ngày 11/12/2020).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn gồm:

1. Ông Trần Viết X, sinh năm 1952; Địa chỉ: thành phố H. Có mặt.
2. Bà Trần Thị H A, sinh năm 1954; Địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng.
3. Ông Trần Viết H (H Trần), sinh năm 1956; Địa chỉ: USA. Vắng.
4. Bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1958 (chết năm 2005).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị Kim A; gồm có các con:

4.1. Ông Lê Trần A Q, sinh năm 1985. Vắng.
4.2. Ông Lê Trần A T, sinh năm 1990. Vắng.
4.3. Ông Lê Trần A H, sinh năm 1995. Vắng.
4.4. Ông Lê Trần A H, sinh năm 1995. Vắng.

4.5. Bà Lê Thị Diệu H, sinh năm 1992. Vắng.

4.6. Bà Lê Thị Diệu H, sinh năm 1984. Vắng.

Cùng địa chỉ: thành phố H.

5. Bà Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1960 (đã chết năm 2001)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Trần Thị Ngọc A; gồm có các con:

5.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1985; Địa chỉ: thành phố H. Vắng.

5.2. Ông Nguyễn X T, sinh năm 1986; Địa chỉ: thành phố H. Vắng.

6. Bà Trần Thị Tuyết A, sinh năm 1963; Địa chỉ: thành phố H. Có mặt.

7. Bà Trần Thị Thùy A; sinh năm 1965; Địa chỉ: thành phố H. Vắng.

8. Ông Trần Viết T, sinh năm 1969, Địa chỉ: USA. Vắng.

9. Ông Trần Viết T, sinh năm 1971, Địa chỉ: USA. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Trần Thị Tuyết A, sinh năm 1963; Địa chỉ: thành phố H. Có mặt.

10. Ông Trần Viết D, sinh năm 1961; Địa chỉ: thành phố H. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Viết D, sinh năm 1961; Địa chỉ: thành phố H. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Viết X, sinh năm 1952; Địa chỉ: thành phố H. Có mặt.

2. Bà Trần Thị H A, sinh năm 1954; Địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng.

3. Ông Trần Viết H (H Trần), sinh năm 1956; Địa chỉ: USA. Vắng.

4. Bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1958, chết năm 2005.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị Kim A; gồm có các con:

4.1. Ông Lê Trần A Q, sinh năm 1985. Vắng.

4.2. Ông Lê Trần A T, sinh năm 1990. Vắng.

4.3. Ông Lê Trần A H, sinh năm 1995. Vắng.

4.4. Ông Lê Trần A H, sinh năm 1995. Vắng.

4.5. Bà Lê Thị Diệu H, sinh năm 1992. Vắng.

4.6. Bà Lê Thị Diệu H, sinh năm 1984. Vắng.

Cùng địa chỉ: 34 Lịch Đợi, phường Phường Đúc, thành phố H.

5. Bà Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1960 (đã chết năm 2001).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Trần Thị Ngọc A; gồm có các con:

5.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1985; Địa chỉ: thành phố H. Vắng.

5.2. Ông Nguyễn X T, sinh năm 1986; Địa chỉ: thành phố H. Vắng.

6. Bà Trần Thị Tuyết A, sinh năm 1963; Địa chỉ: thành phố H. Có mặt.

7. Bà Trần Thị Thùy A; sinh năm 1965; Địa chỉ: thành phố H. Vắng.

8. Ông Trần Viết T, sinh năm 1969, Địa chỉ: USA. Vắng.

9. Ông Trần Viết T, sinh năm 1971, Địa chỉ: USA. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Trần Thị Tuyết A, sinh năm 1963; Địa chỉ: thành phố H. Có mặt.

10. Bà Dương Thị L, sinh năm 1956. Vắng.

11. A Trần Viết H, sinh năm 1984. Vắng.

12. Chị Lê Đặng Thị Mỹ L, sinh năm 1986. Vắng.

13. A Trần Viết T, sinh năm 1985. Có mặt.

14. Chị Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 1997. Vắng.

Cùng địa chỉ: Số 31/13 A, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**** Người kháng cáo:*** Ông Trần Viết D, Trần Viết T và ông Trần Viết T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2019, bản tự khai ngày 27/4/2020 Nguyên đơn - Bà Trần Thị T trình bày:***

Bà T và chồng là ông Trần Viết T (chết năm 2008) có tạo lập được thửa đất số 07, tờ bản đồ số 14 có diện tích 196,5m^2 tọa lạc tại 21/33 A, phường A, thành phố H. Quá trình chung sống bà và ông T có 10 người con chung là: Trần Viết X, sinh năm 1952; Trần Thị Tuyết A, sinh năm 1963; Trần Thị H A, sinh năm 1954; Trần Thị Thùy A, sinh năm 1965; Trần Viết T, sinh năm 1969;Trần Viết T, sinh năm 1971; Trần Viết H (H Trần), sinh năm 1956; Trần Thị Kim A (đã chết, các con của Trần Thị Kim A bao gồm: Lê Trần A Q, sinh năm 1985; Lê Trần A T, sinh năm 1990; Lê Trần A H, sinh năm 1995; Lê Trần A H, sinh năm 1995; Lê Thị Diệu H, sinh năm 1992; Lê Thị Diệu H, sinh năm 1984); Trần Thị Ngọc A (đã chết, các con của Trần Thị Ngọc A bao gồm: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1985 và Nguyễn X T, sinh năm 1986) và Trần Viết D.

Thửa đất số 07, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m^2 tọa lạc tại 139/15 H Vương cũ) nay là 21 kiệt 33 A, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế là của vợ chồng bà Trần Thị T ông Trần Viết T tạo lập. Năm 2008, ông Trần Viết T chết, bà T cùng các con trong đó có ông Trần Viết D đã có thỏa thuận phân chia di sản của ông T, giao cho bà quản lý và để thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước số tiền còn nợ là 402.825.000 đồng (Bốn trăm linh hai triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng). Sau khi phân chia làm nghĩa vụ sang tên thì thống nhất sử dụng thửa đất để làm nhà thờ cha mẹ, ông bà tổ tiên nên con cháu đã lập văn bản từ chối thừa kế. Tuy nhiên, khi triển khai làm thủ tục phân chia tại Văn phòng công chứng thì ông Trần Viết D tự nhiên thay đổi và đòi quyền sử dụng toàn bộ thửa đất nêu trên. Nay bà T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phân chia di sản của ông T là quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên theo kỷ phần. Phần ông Trần Viết D nhận được quy ra bằng tiền. Bà T là người chịu trách nhiệm chi trả.

Đối với lời khai của Bị đơn ông D cho rằng tài sản mà bà Trần Thị T khởi kiện chia thừa kế là tài sản chung của vợ chồng ông D, bà V. Bà Trần Thị T có ý kiến như sau: Nguyên trước đây vợ chồng bà Trần Thị T, Trần Viết T có tạo lập một lô đất với diện tích khoản 750m^2, tọa lạc tại 139/15 H Vương cũ) nay là 21 kiệt 33 A, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Năm 1999, vợ chồng bà T cắt 1 phần đất 500m^2 trong lô đất này bán lại cho vợ chồng con trai Trần Viết D với số tiền 200.000.000 đồng tương đương 40 lượng vàng, hình thức mua bán là bán giấy tay, trả góp hàng tháng. Năm 2004, vợ chồng bà T lập thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất đã bán cho vợ chồng cho con

trai Trần Viết D. Ngày 05 tháng 06 năm 2004, vợ chồng bà T được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với các thông tin sau: Thửa đất số 06, tờ bản đồ 14, diện tích 552m^2. Sau khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vợ chồng bà T tiến hành lập thủ tục công chứng để vợ chồng con trai Trần Viết D tiến hành sang tên. Như vậy, việc mua bán nhà đất giữa vợ chồng bà T và con trai Trần Viết D xem như hoàn tất. Việc mua bán đất là do vợ chồng bà T là chủ sử dụng đất đứng ra bán cho con trai trong gia đình không có ai tranh chấp. Quá trình sử dụng đất tại thửa đất nói trên, vợ chồng con trai Trần Viết D đã tách thành 4 thửa sau đó bán 03 thửa còn lại 01 thửa đất để ở cho đến thời điểm hiện tại. Còn vợ chồng bà T thì ở phần đất còn lại, liền kề với thửa của ông Trần Viết D diện tích khoảng 200m^2 cùng với vợ chồng con trai Trần Viết X và con trai Trần Viết T. Về tài sản đang tranh chấp chia thừa kế: Năm 2008, ông Trần Viết T qua đời, bà T vẫn tiếp tục sống chung với con trai Trần Viết X và Trần Viết T tại thửa đất liền kề với thửa đất đã bán cho con trai Trần Viết D. Đến năm 2014, bà T tiến hành lập thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất bà T đang ở với con trai Trần Viết X. Do nguồn gốc đất là của vợ chồng tạo lập nên theo quy định của pháp luật, bà T là người chủ sử dụng đất đồng thời là người đại diện của những người được thừa kế quyền sử dụng đất của ông Trần Viết T (đã mất năm 2008). Ngày 05 tháng 06 năm 2014, UBND thành phố H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nội dung sau: Thửa đất số 07, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m^2, mục đích sử dụng đất: đất ở tại đô thị; (do trước đây hạn mức đất ở 200m^2 đã được kê khai đăng ý cho thửa đất số 06 đã bán cho Trần Viết D, nên khi đăng ký thửa đất này hạn mức đất ở đã hết nên chỉ được cấp đất vườn. Do trên đất đã có nhà của con trai Trần Viết X, Trần Viết T xây dựng nên theo quy định buộc phải chuyển qua mục đích đất ở. Tại thời điểm đăng ký bà T không có tiền làm nghĩa vụ tài chính nên được ghi nợ với số tiền 402.825.000 đồng, trong thời hạn 5 năm. Hiện tại do tranh chấp nên chưa thực hiện việc thanh toán cho Nhà nước). Hiện trạng trên thửa đất số 07, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m^2 đang tồn tại hai ngôi nhà. Ngôi nhà số 1 do ông Trần Viết T xây dựng; ngôi nhà số 2 do ông Trần Viết X xây dựng nên thuộc quyền sở hữu của ông X và ông T. Hiện nay, do gia đình cần có đất ổn định để xây dựng nhà thờ cho con cháu có nơi đến để hương khói ông bà, tổ tiên, nhưng quá trình khai nhận thừa kế đã bị ông Trần Viết D tìm đủ mọi cách để cản trở, qua nhiều lần thương lượng, hòa giải trong gia đình nhưng không đạt kết quả bởi vì ông Trần Viết D cho rằng thửa đất này đã mua của cha mẹ. Hành vi của ông Trần Viết D là quá sai trái và tự ngộ nhận, không đúng với thực tế, việc chuyển nhượng 500m^2 giữa vợ chồng bà T cho ông Trần Viết D đã hoàn thành từ lâu, còn thửa đất số 07 bà T mới thực hiện đăng ký cấp Giấy chứng nhận năm 2014, nhưng từ năm 2000, bà T đã cho hai con trai Trần Viết X và Trần Viết T xây nhà ở ổn định, khi xây dựng nhà không có ai tranh chấp, khiếu kiện. Vì vậy, đề nghị Tòa án áp dụng các quy định của pháp luật để phân chia di sản thừa kế là thửa đất số 07 với diện tích 196,5m^2 cho những người thừa kế của ông Trần Viết T theo quy định của pháp luật.

**** Bị đơn đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Nguyên đơn - Ông Trần Viết D trình bày:***

Khối tài sản là quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 07, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m^2, tọa lạc tại 21 kiệt 33 Đường A, phường A, thành phố H mà bà Trần Thị T khởi kiện, cho rằng thửa đất đó là của vợ chồng bà T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất này là hoàn toàn không có căn cứ. Bởi lẽ, quyền sử dụng đất này là do vợ chồng ông D đã thực hiện việc mua bán bằng giấy viết tay với cha mẹ từ hơn 20 năm nay, do chưa có nhu cầu sử dụng nên ông D để ba mẹ và một số anh chị em tạm thời được ở để ổn định cuộc sống, nhưng nay mẹ ông khởi kiện, ông mới được biết về việc quyền sử dụng đất của vợ chồng ông đã bị ba mẹ của ông kê khai lúc nào ông không được hay biết. Trong thời gian qua, gia đình ông cũng xảy ra nhiều biến cố. A em, mẹ con tranh giành đất đai, vợ ông mang theo tài sản của gia đình bỏ đi khỏi nơi cư trú, trong khi tài sản mà bà Trần Thị T yêu cầu chia di sản thừa kế lại là tài sản chung của vợ chồng ông (trước đây, hai vợ chồng ông cùng ký giấy mua bán đất). Do vậy, cần có ý kiến của vợ ông là bà Đặng Thị V trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, ông D đề nghị:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của chồng bà là ông Trần Viết T để lại là quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 07, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m^2, tọa lạc tại 21 kiệt 33 đường A, phường A, thành phố H, bởi lẽ quyền sử dụng đất này là quyền sử dụng đất hợp pháp của vợ chồng ông D.

2. Về việc bổ sung thêm người tham gia tố tụng: Thời điểm ông D mua lại quyền sử dụng đất nói trên, vợ chồng ôngTrần Viết D - bà Đặng Thị V cùng đứng tên trên giấy tờ mua bán, tài sản đó là tài sản chung của vợ chồng ông D. Do vậy, đề nghị Tòa án phải bổ sung bà Đặng Thị Bích V vào tham gia tố tụng, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho đương sự, đúng với quy định pháp luật.

3. Về việc tham gia tố tụng và cung cấp tài liệu chứng cứ: Về mặt tinh thần lẫn sức khỏe hiện tại của cá nhân ông D hoàn toàn không đủ khả năng để tham gia tố tụng. Tinh thần không minh mẫn nên ông D không tìm kiếm được các văn bản chứng minh việc mua bán quyền sử dụng đất giữa ông D với bà Trần Thị T. Vì lẽ đó, ông D kính mong Tòa án xem xét, tạo điều kiện cho ông một khoảng thời gian để tập trung điều trị bệnh và thu thập tài liệu để cung cấp tài liệu cho Tòa án, phục vụ công tác giải quyết vụ án được khách quan, chính xác.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - anh Trần Viết T trình bày:***

Nguyên thửa đất số 07, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m^2 tọa lạc tại 139/15 H Vương (nay là 21 kiệt 33 A, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) là do ông nội anh là ông Trần Viết T và bà nội là bà Trần Thị T tạo lập. Năm 2008, ông Trần Viết T qua đời. Quá trình sử dụng đất bà nội anh đã cho bố của anh là ông Trần Viết X và chú của anh là ông Trần Viết T xây dựng nhà ở đồng thời chăm sóc, nuôi dưỡng bà nội anh cho đến khi bà nội anh mất. Hiện trên thửa đất này có hai ngôi nhà: Ngôi nhà số 1 do ông Trần Viết T xây dựng; ngôi nhà số 2 do bố mẹ anh là ông Trần Viết X, bà Dương Thị L xây dựng. Hiện vợ chồng anh đang ở trong nhà cùng bố mẹ anh và anh không có ý kiến gì về hai ngôi nhà này.

Do ông nội anh là ông Trần Viết T chết không để lại di chúc, nên bà nội Trần Thị T khởi kiện để chia thừa kế phần di sản của ông Trần Viết T có trong khối tài sản chung của ông Trần Viết T với bà Trần Thị T là thửa đất nêu trên. A T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T và đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vu án, vào ngày 11 tháng 12 năm 2020, bà Trần Thị T chết theo Giấy chứng tử số 125/TLKT do UBND phường A cấp ngày 23 tháng 12 năm 2020. Trước khi chết, bà Trần Thị T có lập di chúc vào ngày 11 tháng 10 năm 2019, số công chứng 890 tại Văn phòng Công chứng Hồ Phi H, địa chỉ số 64 Trần Quang Khải, thành phố H với nội dung để lại cho anh T tài sản là phần quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Trần Thị T có trong khối tài sản chung của bà Trần Thi T với những người thừa kế quyền sử dụng đất của ông Trần Viết T và anh T có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ về tài sản là thanh toán một phần tiền sử dụng đất tương ứng với tài sản nhận được từ thừa kế. Vì vậy, anh T xin nhận phần di sản thừa kế và nghĩa vụ về tài sản của bà Trần Thị T đã di chúc lại cho anh. Về thực hiện nghĩa vụ theo di chúc giao cho anh có nghĩa vụ thực hiện việc trả nợ một phần tiền sử dụng đất mà trước đây theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã ghi nợ đối với ông Trần Viết T và bà Trần Thị T với số tiền nợ sử dụng đất là 402.825.000 đồng, nợ lệ phí trước bạ là 4.028.000 đồng, tổng nợ hai khoản là 406.853.000 đồng. Ngày 24/02/2021, anh T đã thực hiện trả nợ toàn bộ số tiền nêu trên theo Thông báo về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính số 371/TB-CCT của Chi Cục Thuế thành phố H với số tiền sử dụng đất: 402.825.000 đồng, lệ phí trước bạ 4.779.000 đồng tổng hai khoản đã nộp: 407.604.000 đồng.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Nguyên đơn:***

- Ông Trần Viết X trình bày: Nguyên thửa đất số 7, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m^2 tọa lac tại 139/15 H Vương (nay là 21 kiệt 33 A, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) là do bố mẹ của ông X là ông Trần Viết T và bà Trần Thị T tạo lập đã được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu BT 197105 ngày 05 tháng 06 năm 2014. Năm 2008, ông Trần Viết T qua đời. Quá trình sử dụng đất bà T cho ông X và ông Trần Viết T xây dựng nhà ở. Hiện trên thửa đất này có hai ngôi nhà: Ngôi nhà số 1 do em trai của ông X là Trần Viết T xây dựng; ngôi nhà số 2 do vợ chồng ông X xây dựng. Hiện vợ chồng ông X đang quản lý hai ngôi nhà này. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T và đề nghị Tòa án giải quyết chia cho ông X phần di sản là quyền sử dụng đất của bố ông để lại theo phần thừa kế mà ông được hưởng và ông tặng cho lại cho con trai là Trần Viết T, anh T có nghĩa vụ thực hiện thanh toán tiền sử dụng đất tương ứng với phần tài sản của ông X được hưởng.

- Chị Nguyễn Thị Như Q, Trần Viết H, Lê Đặng Thị Mỹ L trình bày: Về nguồn gốc thửa đất thống nhất như lời khai của anh Trần Viết T. Việc phân chia thừa kế thì những người này không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Chị Trần Thị Tuyết A, sinh năm 1963; Trần Thị H A, sinh năm 1954; Trần Thị Thùy A, sinh năm 1965; Trần Viết T, sinh năm 1969;Trần Viết T, sinh năm 1971; Trần Viết H (H Trần), sinh năm 1956; Trần Thị Kim A (đã chết, các con của Trần Thị Kim A bao gồm: Lê Trần A Q, sinh năm 1985; Lê Trần A T, sinh năm 1990; Lê Trần A H, sinh năm 1995; Lê Trần A H, sinh năm 1995; Lê Thị Diệu H, sinh năm 1992; Lê Thị Diệu H, sinh năm 1984); Trần Thị Ngọc A (đã chết, các con của Trần Thị Ngọc A bao gồm: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1985 và Nguyễn X T, sinh năm 1986) đều thống nhất như lời khai của bà T và đều có văn bản từ chối nhận thừa kế và giao cho bà Trần Thị T.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 29/9/2020, xác định giá trị thửa đất số 7, tờ bản đồ số 14, diện tích 196.5m^2, tọa lạc tại 21/33 A, phường A, thành phố H cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 197105 của UBND thành phố H cấp ngày 05/6/2014 như sau:

- Giá trị đất theo giá Nhà nước: Thửa đất vị trí: 2; loại đường 3A; Đơn giá: 12.880.000 đồng/m^2; hệ số 1:1. Giá trị toàn bộ diện tích theo giá trị Nhà nước: 196,5m^2 × 12.880.000 đồng/m2 × 1,1 = 2.784.012.000 đồng.

- Giá trị đất khảo sát giá thị trường: Qua khảo sát giá thị trường và tham khảo ý kiến đại diện của UBND phường A, giá thị trường tại khu vực này có giá bình quân là 20.000.000 đồng/m^2. Giá trị toàn bộ diện tích đất theo giá khảo sát thị trường là: 196,5m^2 × 20.000.000 đồng/m^2 = 3.930.000.000 đồng.

Ông D không đồng ý với giá trị đất theo giá thị trường do Hội đồng định giá xác định là 20.000.000 đồng/m^2 mà theo ông giá trị đất theo giá thị trường là 25.000.000 đồng/m^2. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, ông D cho rằng đất là tài sản chung của vợ chồng ông, còn tài sản trên đất không phải của ông và ông D cũng không yêu cầu định giá, đo đạc lại.

**** Tại Công văn 3981/CNVPĐKĐĐ ngày 20/7/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H về việc cung cấp thông tin như sau:***

- Đối với thửa đất số 7, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại 21 kiệt 33 A, phường A, thành phố H: Qua kiểm tra Sổ địa chính của phường A, thành phố H tại Quyển số 14, trang số 127 tính đến 10 giờ 00 phút ngày 07/7/2021 thể hiện: Thửa đất số 07, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m^2 tọa lạc tại 21 kiệt 33 A, phường A, thành phố H được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận cho bà Trần Thị T (Đại diện thừa kế) ngày 05/6/2014. Ngày 08/3/2021, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo Thông báo số 371/TB-CCT ngày 24/02/2021 về việc xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính về tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ của Chi cục Thuế thành phố H. Chưa phân chia di sản thừa kế không được thực hiện các giao dịch về quyền sử dụng đất.

- Đối với thửa đất số 6, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại 23 kiệt 33 A, phường A, thành phố H: Qua kiểm tra Sổ địa chính của phường A, thành phố H tại Quyển số 04, trang số 126 tính đến 10 giờ 00 phút ngày 07/7/2021 thể hiện: Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 14 diện tích 552,0m^2 (trong đó: 200m^2 đất ở + 352,0m^2 đất nông nghiệp) tọa lạc tại 23 kiệt 33 A, phường A, thành phố H được UBND thành phố H cấp

Giấy chứng nhận cho ông, bà Trần Viết T - Trần Thị T ngày 22/9/2004. Ngày 08/11/2004, UBND thành phố xác nhận thay đổi chủ sử dụng đất cho ông, bà Trần Viết D - Đặng Thị Bích V. Ngày 17/3/2015, thể hiện thu hồi vào sổ quyển số 14 trang số 181. Qua kiểm tra Sổ địa chính của phường A, thành phố H tại Quyển số 14, trang số 181 tính đến 10 giờ 00 phút ngày 07/7/2021 thể hiện: Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 14 (trong đó: 200m^2 đất ở + 352,0m^2 đất nông nghiệp) tọa lạc tại 23 kiệt 33 A, phường A, thành phố H được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận cho ông, bà Trần Viết D, Đặng Thị Bích V ngày 17/3/2015. Ngày 18/5/2015, xác nhận chuyển mục đích sử dụng đất từ 50m^2 đất nông nghiệp sang đất ở. Vậy tổng diện tích sau khi chuyển mục đích sử dụng đất: 250m^2 đất ở + 302,0m^2 đất nông nghiệp.

Ngày 25/6/2015, thể hiện thể thu hồi vào sổ quyển số 15 trang số 68 và 69. Qua kiểm tra Sổ địa chính của phường A, thành phố H tại Quyển số 15, trang số 68 tính đến 10 giờ 00 phút ngày 07/7/2021 thể hiện: Thửa đất số 37 (6-2), tờ bản đồ số 14, diện tích 98,7m^2 (trong đó: 88,0m^2 đất ở + 10,7m^2 đất nông nghiệp) tọa lạc tại 23 kiệt 33 A, phường A, thành phố H được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận cho ông, bà Phạm Ánh H - Nguyễn Thị Gái ngày 25/6/2015.

Ngày 10/8/2016, thể hiện thể thu hồi vào sổ quyển số 16 trang số 173. Qua kiểm tra Sổ địa chính của phường A, thành phố H tại Quyển số 16, trang số 173 tính đến 10 giờ 00 phút ngày 07/7/2021 thể hiện: Thửa đất số 37 (6-2), tờ bản đồ số 14, diện tích 98,7m^2 tọa lạc tại 23 kiệt 33 A, phường A, thành phố H được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận cho ông, bà Lê Công Vui - Nguyễn Thị Thu ngày 09/8/2016.

Qua kiểm tra Sổ địa chính của phường A, thành phố H tại Quyển số 15, trang số 69 tính đến 10 giờ 00 phút ngày 07/7/2021 thể hiện: Thửa đất số 35 (6-1), tờ bản đồ số 14, diện tích 453,3m^2 (trong đó: 162,0m^2 đất ở + 291,3m^2 đất nông nghiệp) tọa lạc tại 23 kiệt 33 A, phường A, thành phố H được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận cho ông, bà Trần Viết D - Đặng Thị Bích V ngày 25/6/2015. Ngày 07/3/2016, xác nhận chuyển mục đích sử dụng đất từ 200,0m^2 đất nông nghiệp sang đất ở. Vậy tổng diện tích sau khi chuyển mục đích sử dụng đất: 362,0m^2 đất ở + 91,3m^2 đất nông nghiệp.

Đối với việc có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T không thuộc thẩm quyền của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố. Vụ việc đã được Tòa án thụ lý giải quyết, đề nghị Tòa án căn cứ quy định để giải quyết theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Kèm theo văn bản trả lời, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố H cung cấp hồ sơ như sau:

- Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận (lần đầu) của ông, bà Trần Viết T - Trần Thị T tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m^2 tọa lạc tại 21 kiệt 33 A, phường A, thành phố H được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận ngày 22/9/2004)

- Bản phô tô có đóng dấu treo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận (lần đầu) của ông, bà Trần Viết T - Trần Thị T tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 14, diện tích 552,0m^2

tọa lạc tại 23 kiệt 33 A, phường A, thành phố H được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận ngày 22/9/2004.

- Bản phô tô có đóng dấu treo hồ sơ đăng ký biến động của ông, bà Trần Viết D - Đặng Thị Bích V tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại 23 kiệt 33 A, phường A, thành phố H được UBND thành phố H xác nhận thay đổi chủ sử dụng đất ngày 08/11/2004.

- Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận của ông, bà Trần Viết D - Đặng Thị Bích V tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 14, diện tích 552,0m^2 tọa lạc tại 23 kiệt 33 A, phường A, thành phố H được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận ngày 17/3/2015.

- Bản phô tô có đóng dấu treo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận ông, bà Phạm Ánh H - Nguyễn Thị Gái tại thửa đất số 37 (6-2), tờ bản đồ số 14 diện tích 98,7m^2 tọa lạc tại 23 kiệt 33 A, phường A, thành phố H được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận ngày 25/6/2015.

- Bản phô tô có đóng dấu treo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận của ông, bà Lê Công Vui - Nguyễn Thị Thu tại thửa đất số 37 (6-2), tờ bản đồ số 14, diện tích 98,7m^2 tọa lạc tại 23 kiệt 33 A, phường A, thành phố H được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận ngày 09/8/2016.

Về chi phí định giá tài sản và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: A Trần Viết T tự nguyện chịu toàn bộ. A T đã nộp đủ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS - ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, 468, 611, 613, khoản 2 Điều 616, Điều 618, Điều 623, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự 2015. Điểm b khoản 1 Điều 3, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về thu nộp án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Q Hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Ghi nhận sự tự nguyện của người kế thừa quyền, nghĩa vụ của Nguyên đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Viết X.

1. Xác định di sản thừa kế của ông Trần Viết T và Trần Thị T là quyền sử dụng đất thửa đất số 7, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m^2 tọa lạc tại 21 kiệt 33 A, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có giá trị 3.930.000.000 đồng. Thanh toán trả tiền thuế chuyển mục đích sử dụng đất cho anh Trần Viết T đã nộp thay cho bà T là 407.604.000 đồng. Giá trị di sản còn lại là 3.522.396.000 đồng.

2. Do các ông, bà Trần Thị Tuyết A; Trần Thị H A; Trần Thị Thùy A; Trần Viết T; Trần Viết T; Trần Viết H (H Trần); các con của Trần Thị Kim A (bao gồm: Lê Trần A Q, sinh năm 1985; Lê Trần A T, sinh năm 1990; Lê Trần A H, sinh năm 1995; Lê Trần A H, sinh năm 1995; Lê Thị Diệu H, sinh năm 1992; Lê Thị Diệu

H, sinh năm 1984); các con của Trần Thị Ngọc A (bao gồm: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1985 và Nguyễn X T, sinh năm 1986) đều có văn bản từ chối nhận thừa kế và giao cho bà Trần Thị T quản lý, không yêu cầu chia thừa kế nên được xác định là tài sản chung chưa có yêu cầu phân chia nên tạm giao số tiền 1.280.871.000 đồng là tài sản chung của các ông bà có tên nêu trên cho anh Trần Viết T quản lý. Sau này nếu có đương sự yêu cầu chia tài sản chung thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

3. A Trần Viết T có trách nhiệm phải thanh toán cho ông Trần Viết D số tiền 160.109.000 đồng.

4. Giao cho anh Trần Viết T quyền sử dụng đất tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m^2 tọa lạc tại 21 kiệt 33 A, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Có sơ đồ kèm theo).

A T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Ngày 27/01/2022, ông Trần Viết D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời cho rằng án sơ thẩm không đưa bà Đặng Thị Bích V (vợ của ông) vào tham gia tố tụng trong vụ án là bỏ sót người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và việc Tòa án sơ thẩm định giá tài sản từ tháng 9/2020 nhưng đến tháng 01/2022 mới xét xử thì giá trị tài sản đã tăng gấp 02 lần so với thời điểm định giá.

- Ngày 10/3/2022, ông Trần Viết T, ông Trần Viết T có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại di chúc của cụ Trần Thị T, vì tại thời điểm cụ T lập di chúc bị bệnh nặng, không còn khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Đồng thời trên diện tích đất mà Tòa án sơ thẩm giao cho ông Trần Viết T còn có các căn nhà do hai ông xây dựng mà Tòa chưa giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về tố tụng: Xét thấy việc ông Trần Viết T vắng mặt không có lý do; tuy nhiên nội dung kháng cáo của ông T trùng với nội dung kháng cáo của ông Trần Viết T (đã ủy quyền cho bà Trần Thị Tuyết A tham gia tố tụng), nên không cần thiết đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của ông T, mà cần xem xét chung theo nội dung kháng cáo của ông T.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS - ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử lại từ giai đoạn sơ thẩm, vì trên diện tích đất chia di sản thừa kế còn có tài sản của các

ông Trần Viết X, Trần Viết T và Trần Viết T chưa được giải quyết trong cùng vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy việc ông Trần Viết T vắng mặt không có lý do; tuy nhiên nội dung kháng cáo của ông T trùng với nội dung kháng cáo của ông Trần Viết T (đã ủy quyền cho bà Trần Thị Tuyết A tham gia tố tụng), nên không cần thiết đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của ông T, mà cần xem xét chung theo nội dung kháng cáo của ông T như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Viết D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Viết T và ông Trần Viết T; nhận thấy:

[2.1]. Về nội dung yêu cầu đưa bà Đặng Thị Bích V (vợ của ông Trần Viết D) vào tham gia tố tụng trong vụ án; nhận thấy: Theo yêu cầu kháng cáo của ông Trần Viết D, Tòa án cấp phúc thẩm đã bổ sung bà Đặng Thị Bích V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên xét thấy tại Đơn xin xác nhận do ông Trần Viết D viết ngày 28/12/2018, có xác nhận của Công an phường A, thành phố H, ghi nhận: "Vợ tôi là Đặng Thị Bích V...đã tự ý bỏ nhà ra đi từ ngày 04/7/2016, từ đó đến nay, tôi đã nhiều lần tìm kiếm... bằng nhiều cách nhưng đến nay vẫn không xác định được tung tích của bà V". Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm, ông D cũng thừa nhận bà V hiện nay ở đâu ông cũng không biết. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm cũng không thể triệt tập bà V đến phiên tòa được. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không xác định bà Đặng Thị Bích V trong danh sách những người tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là có thiếu sót; tuy nhiên không thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà V, nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm để giải quyết lại; nhưng cần kiến nghị Tòa án cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2.2]. Về nội dung kháng cáo của ông D cho rằng Tòa án sơ thẩm định giá tài sản từ tháng 9/2020, nhưng đến tháng 01/2022 mới xét xử thì giá trị tài sản đã tăng gấp 02 lần so với thời điểm định giá; nhận thấy:

- Tại Biên bản định giá tài sản ngày 29/9/2020 (BL 132-135), hội đồng định giá xác định: "Qua khảo sát giá thị trường và tham khảo ý kiến của đại diện UBND phường A, thì giá thị trường bình quân là 20.000.000 đồng/m^2, nên giá trị toàn bộ diện tích đất 196,5m^2 là: 3.930.000.000 đồng".

- Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/10/2021 (BL 290-293), hội đồng xem xét, thẩm định một lần nữa cũng xác định: "Qua khảo sát giá thị trường và tham khảo ý kiến của đại diện UBND phường A, thì giá thị trường khu vực thửa đất đang tranh chấp có giá bình quân là 20.000.000 đồng/m^2".

Ông D kháng cáo cho rằng Tòa án sơ thẩm định giá tài sản từ tháng 9/2020,

nhưng đến tháng 01/2022 mới xét xử thì giá trị tài sản đã tăng gấp 02 lần so với thời điểm định giá, nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh hiện nay giá nhà đất đã tăng cao so với năm 2020, 2021. Tuy nhiên theo yêu cầu của ông D, Tòa án cấp phúc thẩm đã ủy thác cho Tòa án sơ thẩm để định giá lại tài sản, nhưng sau đó ông D từ chối định giá lại, nên hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông D.

[2.3]. Về nội dung kháng cáo của ông Trần Viết D không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Trần Viết T, bởi lẽ vợ chồng ông T, bà T (cha mẹ ông) đã bán cho vợ chồng ông vào năm 1999 nên đây là quyền sử dụng đất hợp pháp của vợ chồng ông; xét thấy:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, năm 2004 vợ chồng ông Trần Viết T, bà Trần Thị T lập thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 552m^2; ngày 22/9/2004 UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông T và bà T cũng với diện tích 552m^2.

Tuy trước đó, vào ngày 13/4/1994 ông T và bà T có lập giấy bán nhà cho vợ chồng ông D, với giá 40 cây vàng (giá vàng hiện nay là 5.000.000 đồng), nhưng không cụ thể diện tích nhà đất là bao nhiêu m^2 (chứng cứ này ông D gửi kèm theo đơn kháng cáo). Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vào ngày 29/9/2004 vợ chồng ông T và bà T lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông D; trong đó ghi nhận diện tích chuyển nhượng là 552m^2 (BL 229) và ngày 08/11/2004 chỉnh lý biến động đứng tên vợ chồng ông D (BL 227). Quá trình sử dụng đất, vợ chồng ông Trần Viết D đã tách thành 4 thửa sau đó bán 03 thửa còn lại 01 thửa đất để ở cho đến thời điểm hiện tại.

- Tại bản tự khai của bà Trần Thị T đề ngày 27/4/2020 (BL 111-112) thể hiện: Đối với thửa thửa đất số 7, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m^2 tọa lạc tại số 21 kiệt 33 A, phường A, thành phố H là thửa đất liền kề với thửa đất của ông Trần Viết D đã nhận chuyển nhượng của ông T bà T. Thửa đất trên có nguồn gốc là của vợ chồng bà T tạo lập. Ngày 05 tháng 06 năm 2014, UBND thành phố H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nội dung sau: Thửa đất số 07, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m^2, mục đích sử dụng đất (do trước đây hạn mức đất ở 200m^2 đã được kê khai đăng ký cho thửa đất số 06 và đã bán cho Trần Viết D, nên khi đăng ký thửa đất này hạn mức đất ở đã hết nên chỉ được cấp đất vườn. Do trên đất đã có nhà ở của con trai Trần Viết X, Trần Viết T xây dựng nên theo quy định buộc phải chuyển qua mục đích đất ở. Tại thời điểm đăng ký bà T không có tiền làm nghĩa vụ tài chính nên được ghi nợ với số tiền 402.825.000 đồng, trong thời hạn 5 năm. Ngày 24/02/2021, anh Trần Viết T (cháu bà T) đã thực hiện trả nợ toàn bộ số tiền nêu trên theo Thông báo về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính số 371/TB-CCT của Chi Cục Thuế thành phố H với số tiền sử dụng đất: 402.825.000 đồng, lệ phí trước bạ 4.779.000 đồng; tổng hai khoản đã nộp: 407.604.000 đồng.

Lời khai của bà T phù hợp với tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sư vụ án, phù hợp với Công văn số 3981/CNVPĐKĐĐ ngày 20/7/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố H (BL 2013-214). Do đó, án sơ thẩm xác định thửa đất số 7, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m2, tọa lạc tại 21 kiệt 33 A,

phường A, thành phố H được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận ngày 22/9/2014 mang tên Trần Thị T và là người chủ sử dụng đất đồng thời là người đại diện của những người được thừa kế quyền sử dụng đất của ông Trần Viết T (đã mất năm 2008), để xác định ½ quyền sử dụng đất này là di sản thừa kế của cụ T là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D.

[2.4]. Về nội dung kháng cáo của ông Trần Viết T, ông Trần Viết T yêu cầu xem xét lại di chúc của cụ Trần Thị T, vì tại thời điểm cụ T lập di chúc bị bệnh nặng, không còn khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Đồng thời trên diện tích đất mà Tòa án sơ thẩm giao cho ông Trần Viết T còn có các căn nhà do hai ông xây dựng mà Tòa chưa giải quyết; xét thấy:

[2.4.1]. Về tính hợp pháp của di chúc:

- Ngày 11/10/2019, cụ Trần Thị T lập Di chúc có người làm chứng là ông H Kiến An và được Công chứng viên Hồ Phi H thuộc Văn phòng công chứng Hồ Phi H, thành phố H chứng thực cùng ngày, là phù hợp với quy định tại Điều Điều 630 của Bộ luật Dân sự.

- Theo Trích lục khai tử số 583/TLKT-BS ngày 23/12/2020 của UBND phường A, thành phố H thì cụ Trần Thị T chết ngày 11/12/2020.

- Theo hồ sơ vụ án thì không có tài liệu, chứng cứ nào xác định tại thời điểm cụ T lập Di chúc không còn khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Do đó, án sơ thẩm công nhận Di chúc do cụ T lập ngày 11/10/2019 hợp pháp là có căn cứ, đúng pháp luật. Các ông Trần Viết T, Trần Viết T kháng cáo cho rằng tại thời điểm cụ T lập di chúc bị bệnh nặng, không còn khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

[2.4.2]. Về nội dung kháng cáo cho rằng trên diện tích đất mà Tòa án sơ thẩm giao cho ông Trần Viết T còn có các căn nhà do hai ông xây dựng mà Tòa chưa giải quyết; xét thấy:

- Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/10/2021 (BL 290-293) ghi nhận trên diện tích đất 196,5m^2 thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 14, diện tích tọa lạc tại số 21 kiệt 33 A, phường A, thành phố H, có 03 căn nhà. Theo ông Trần Viết X trình bày, trong đó có 01 căn nhà là do ông xây dựng; 02 căn nhà còn lại là do ông Trần Viết T xây dựng và trước khi đi xuất cảnh ông T đã cho ông, nhưng ông cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc ông T đã cho ông 02 căn nhà trên.

- Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các ông Trần Viết T, Trần Viết T cũng không có yêu cầu xem xét giải quyết phần tài sản này và cấp sơ thẩm cũng chưa giải quyết, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét kháng cáo của ông T, ông T về nội dung này. Trường hợp ông Trần Viết T, ông Trần Viết T có tranh chấp thì được quyền khởi kiện một vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

- Đồng thời theo di chúc do cụ Trần Thị T lập ngày 11/10/2019, thì anh Trần

Viết T (con ông Trần Viết X) được hưởng phần lớn di sản của cụ T, cụ T để lại, nên án sơ thẩm giao toàn bộ diện tích đất cho Trần Viết T sử dụng và có trách nhiệm thối giá trị kỷ phần thừa kế cho các thừa kế khác là có căn cứ. Tuy nhiên trên diện tích đất này còn có 03 căn nhà chưa được giải quyết. Do đó cần giao cho ông T quyền quản lý các tài sản này; trường hợp các đương sự có liên quan đến khối tài sản này có tranh chấp thì được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các ông Trần Viết D, Trần Viết T, Trần Viết T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của các ông Trần Viết D, Trần Viết T, Trần Viết T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 357, 468, 611, 613, khoản 2 Điều 616, Điều 618, Điều 623, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về thu nộp án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Q Hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Ghi nhận sự tự nguyện của người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Viết X.

1.1. Xác định di sản thừa kế của ông Trần Viết T và Trần Thị T là quyền sử dụng đất thửa đất số 7, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m^2 tọa lạc tại 21 kiệt 33 A, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có giá trị 3.930.000.000 đồng; khấu trừ số tiền nộp thuế chuyển mục đích sử dụng đất cho anh Trần Viết T đã nộp thay cho bà T là 407.604.000 đồng. Giá trị di sản còn lại là 3.522.396.000 đồng.

1.2. Do các ông, bà Trần Thị Tuyết A; Trần Thị H A; Trần Thị Thùy A; Trần Viết T; Trần Viết T; Trần Viết H (H Trần); các con của Trần Thị Kim A (bao gồm: Lê Trần A Q, sinh năm 1985; Lê Trần A T, sinh năm 1990; Lê Trần A H, sinh năm 1995; Lê Trần A H, sinh năm 1995; Lê Thị Diệu H, sinh năm 1992; Lê Thị Diệu H, sinh năm 1984); các con của Trần Thị Ngọc A (bao gồm: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1985 và Nguyễn X T, sinh năm 1986) đều có văn bản từ chối nhận thừa kế và giao cho bà Trần Thị T quản lý, không yêu cầu chia thừa kế nên được xác định là tài sản chung chưa có yêu cầu phân chia nên tạm giao số tiền 1.280.871.000 đồng là tài sản chung của các ông bà có tên nêu trên cho anh Trần Viết T quản lý. Sau này nếu có đương sự yêu cầu chia tài sản chung thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

1.3. A Trần Viết T có trách nhiệm phải thanh toán cho ông Trần Viết D số tiền 160.109.000 đồng.

1.4. Giao cho anh Trần Viết T quyền sử dụng đất tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m^2 tọa lạc tại 21 kiệt 33 A, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Có sơ đồ kèm theo).

A T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy theo quy định của pháp luật.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Về án phí phúc thẩm: Các ông Trần Viết D, Trần Viết T, Trần Viết T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Đã nộp đủ tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000055 ngày 17/02/2022; Biên lai số 0000079; Biên lai số 0000080 ngày 07/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao - Vụ GĐKT II;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; HS; LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào